Số: 11948/QĐ-SNV
Thời gian ký: 2025-12-28T21:40:10+07:00

Biểu số 1
(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai
Chương: 435

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày tháng năm 2025 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	*2*	*3*	*4=5+6+7+8*	*5*	*6*	*7*	*8*
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**110**	**110**	**85**	**25**	**0**	**0**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**110**	**110**	**85**	**25**	**0**	**0**
1	**Phí**	**25**	**25**	**0**	**25**	**0**	**0**
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	25	25		25		
2	**Lệ phí**	**85**	**85**	**85**	**0**	**0**	**0**
	Lệ phí cấp, cấp lại Giấy phép lao động	85	85	85			
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**23**	**23**	**0**	**23**	**0**	**0**
1	**Chi sự nghiệp**	**23**	**23**	**0**	**23**	**0**	**0**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23	23		23		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0				
2	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**87**	**87**	**85**	**2**	**0**	**0**
1	**Phí**	**2**	**2**	**0**	**2**	**0**	**0**
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	2	2		2		
2	**Lệ phí**	**85**	**85**	**85**	**0**	**0**	**0**
	Lệ phí cấp, cấp lại Giấy phép lao động	85	85	85			
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**166.999**	**166.999**	**133.577**	**10.846**	**17.406**	**5.170**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**166.999**	**166.999**	**133.577**	**10.846**	**17.406**	**5.170**
1	**Chi quản lý hành chính**	**59.673**	**59.673**	**59.673**			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	26.267	26.267	26.267	0	0	0
-	Chi tiền lương và hoạt động thường xuyên	26.267	26.267	26.267			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	33.406	33.406	33.406	0	0	0
-	KP hỗ trợ hoạt động và Đại hội Đảng bộ cơ sở	180	180	180			
-	KP tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.318	1.318	1.318			
-	KP hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị tác động, ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND	4.536	4.536	4.536			
-	Quỹ Thi đua - khen thưởng tỉnh	25.000	25.000	25.000			
-	KP chi tập huấn công tác thi đua - khen thưởng	39	39	39			
-	KP chi hoạt động hội đồng trọng tài lao động tỉnh	70	70	70			
-	KP chi hoạt động của Hội đồng An toàn vệ sinh lao động	60	60	60			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	*2*	*3*	*4=5+6+7+8*	*5*	*6*	*7*	*8*
-	KP hỗ trợ huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	100	100	100			
-	KP tuyển dụng công chức, viên chức	200	200	200			
-	KP hoạt động của đoàn kiểm tra về thực thi công vụ và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và thanh tra ngành nội vụ	705	705	705			
-	KP sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác chuyên môn	200	200	200			
-	KP hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới	230	230	230			
-	KP hoạt động quản lý, giám sát của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	45	45	45			
-	KP thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	450	450	450			
-	KP các hoạt động nâng cao năng lực, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo các xã phường	100	100	100			
-	KP mua sắm trang thiết bị, tài sản	173	173	173			
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**6.336**	**6.336**	**6.336**	**0**	**0**	**0**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.336	6.336	6.336	0	0	0
-	KP trợ cấp đối với cán bộ, công chức được cử đi đào tạo	273	273	273			
-	KP đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	6.063	6.063	6.063			
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**90.144**	**90.144**	**67.568**	**0**	**17.406**	**5.170**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.115	7.115	0	0	2.516	4.599
-	Chi tiền lương và hoạt động thường xuyên	7.115	7.115			2.516	4.599
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	83.029	83.029	67.568	0	14.890	571
-	KP thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	22.660	22.660	22.660			
-	KP hỗ trợ hoạt động điều dưỡng người có công với cách mạng của đối tượng đi điều dưỡng tập trung	1.200	1.200	1.200			
-	KP quà nhân dịp Lễ, Tết người có công với cách mạng, thờ cúng liệt sĩ, thăm tặng quà đơn vị, địa phương, đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, đồng chí quân nhân vùng biên giới, hải đảo	28.736	28.736	28.736			
-	KP thực hiện chế độ mai táng phí theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (QĐ 49, 40, 290, 62, 142, 112, 150)	8.775	8.775	8.775			
-	KP đưa người có công về nguồn	643	643	643			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	*2*	*3*	*4=5+6+7+8*	*5*	*6*	*7*	*8*
-	KP đưa người có công tham dự hội nghị biểu dương toàn quốc do Bộ Nội vụ tổ chức	89	89	89			
-	KP hoạt động nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7)	701	701	701			
-	KP chăm sóc cây cảnh, mộ và viếng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	1.290	1.290	1.290			
-	KP hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật Lao động	300	300	300			
-	KP tháng an toàn vệ sinh lao động	600	600	600			
-	KP hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.000	2.000	2.000			
-	KP hỗ trợ cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước	100	100	100			
-	KP chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác	474	474	474			
-	KP tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	364	364			119	245
-	KP thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	14.557	14.557			14.557	
-	KP mua sắm, bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô máy bơm nc, máy điều hòa nhiệt độ, mua sắm công cụ dụng cụ phục vu công tác nuôi dưỡng người có công	64	64			64	
-	- Chi phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công với cách mạng tại Trung tâm	120	120			120	
-	- KP hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy (mua đồ bảo hộ lao động, tập huấn nghiệp vụ, mua bảo hiểm, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy)	30	30			30	
-	KP hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị tác động, ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND	72	72				72
-	KP sàn giao dịch việc làm	254	254				254
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**10.846**	**10.846**	**0**	**10.846**	**0**	**0**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.297	5.297	0	5.297	0	0
	Chi tiền lương và hoạt động thường xuyên	5.297	5.297		5.297		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.549	5.549	0	5.549	0	0
-	KP tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	290	290		290		
-	KP hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị tác động, ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND	288	288		288		
-	KP tổ chức trưng bày, triển lãm	450	450		450		
-	KP số hóa tài liệu theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	2.510	2.510		2.510		
-	KP chi nghiệp vụ công tác lưu trữ	1.572	1.572		1.572		
-	KP mua sắm trang thiết bị, tài sản	439	439		439		
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	*2*	*3*	*4=5+6+7+8*	*5*	*6*	*7*	*8*
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						